

Số: 1326/TB-QL Đào tạo

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc nhận bằng tốt nghiệp của sinh viên tốt nghiệp
đại học chính quy khóa D15 đợt 6 và khóa cũ**

Căn cứ kết quả xét tốt nghiệp hệ đại học chính quy khóa D15 đợt 5 và khóa cũ của Trường Đại học Điện lực, Nhà trường thông báo thời gian nhận bằng tốt nghiệp của sinh viên theo danh sách đính kèm, cụ thể như sau:

1. Thời gian: Trong giờ hành chính từ ngày 11 tháng 6 năm 2025 (không trả bằng vào ngày lễ và thứ Bảy, Chủ Nhật)
2. Địa điểm nhận bằng: Phòng Quản lý Đào tạo – phòng 103, tầng 1 nhà E.
3. Địa điểm nhận hồ sơ tốt nghiệp: Phòng Công tác sinh viên – phòng 102, tầng 1 nhà E.
4. Địa điểm nhận tiền đặt cọc (với những SV chưa nhận được tiền qua TK): Phòng Thủ quỹ - phòng 101, tầng 1 nhà E.
5. Lưu ý: Sinh viên trực tiếp đến nhận bằng, xuất trình căn cước công dân và ký tên vào sổ gốc cấp bằng.

Nơi nhận:

- HT (để b/c);
- Các PHT (để b/c);
- Website;
- Phòng KH-TC, CTSV (để thực hiện);
- Lưu: VT, QLĐT, Lanttp (01).

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**



TS. Trịnh Văn Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP
KHÓA D15 ĐỢT 6 VÀ KHÓA CŨ

(Kèm theo TB số 1326/TB-ĐHDL ngày 06/6/2025 của Trường Đại học Điện lực)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học
1	20810620084	PHẠM VĂN	HUY	16/06/2002	D15CODYT2
2	20810620110	NGUYỄN DUY	PHONG	10/08/2002	D15CODYT2
3	20810620123	PHÙNG QUANG	TÚ	28/05/2002	D15CODYT2
4	20810620141	TRẦN VĂN	HUY	02/04/2002	D15CODYT3
5	20810000210	HÀ VIỆT	ANH	28/08/2002	D15CKOTO2
6	20810000062	NGUYỄN VĂN	HÒA	08/01/2002	D15CKOTO2
7	20810000051	NGUYỄN HOÀNG	NGHĨA	01/09/2002	D15CKOTO2
8	20810310562	TRẦN THU	HÀ	25/09/2002	D15CNPM1
9	20810310059	NGUYỄN VŨ MINH	QUÂN	27/7/2002	D15CNPM1
10	20810310269	NGUYỄN HỮU	CHIẾN	17/11/2002	D15CNPM2
11	20810310290	NGUYỄN ANH	HÀO	09/10/2002	D15CNPM2
12	20810310288	NGUYỄN ĐỨC	TRIỆU	29/10/2002	D15CNPM2
13	20810310384	ĐỖ KIÊN	QUYẾT	11/09/2002	D15CNPM4
14	20810310438	VŨ CƯỜNG	THỊNH	21/02/2002	D15CNPM5
15	20810310497	NGUYỄN XUÂN	MẠNH	18/10/2002	D15CNPM6
16	20810340152	NGUYỄN TIẾN	THỌ	24/08/2002	D15CNPM6
17	20810320096	NGUYỄN XUÂN	ĐẠT	15/08/2002	D15CNPM7
18	20810310571	NGUYỄN QUANG	HÀ	16/03/2002	D15CNPM7
19	20810320103	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	02/10/2002	D15CNPM7
20	20810320106	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	04/04/2002	D15CNPM7
21	20810320094	LÊ VĂN	SANG	14/09/2002	D15CNPM7
22	20810310481	VŨ ĐỨC	THỊNH	28/12/2002	D15HTTMDT1
23	20810310005	BÙI ĐỨC	VIỆT	28/11/2002	D15HTTMDT1
24	20810310559	PHẠM ĐÌNH	THÊM	25/09/2002	D15QTANM
25	20810310398	PHẠM ĐỨC	MẠNH	20/09/2002	D15TTNT&TGMT
26	20810310326	NGUYỄN TIÊN	PHONG	25/11/2002	D15TTNT&TGMT
27	20810310268	PHẠM MINH	TUẤN	15/04/2002	D15TTNT&TGMT
28	20810510076	NGÔ DUY	KHÁNH	06/12/2002	D15DT&KTMT
29	20810540048	ĐOÀN VĂN	QUÂN	02/11/2002	D15MVT&MT
30	20810430141	NGUYỄN DUY	NAM	07/11/2002	D15CNKTDK
31	20810430266	PHAN HỮU	NGHỊ	18/11/2002	D15CNKTDK
32	20810430377	NGÔ XUÂN	TRƯỜNG	07/05/2002	D15CNKTDK
33	20810410037	NGUYỄN THẠCH VIỆT	ANH	04/7/2002	D15TDH&DKTBCN1
34	20810410016	PHẠM QUANG	DŨNG	12/3/2002	D15TDH&DKTBCN1
35	20810430307	PHÙNG GIA	DUY	27/12/2002	D15TDH&DKTBCN1
36	20810430169	NGÔ VĂN	NAM	19/03/2002	D15TDH&DKTBCN3
37	20810430135	NGUYỄN ĐÌNH	QUYỀN	05/12/2002	D15TDH&DKTBCN3
38	20810430254	NGUYỄN VĂN	HUNG	20/11/2002	D15TDH&DKTBCN5
39	20810410070	PHẠM VĂN	HUNG	14/12/2002	D15TDH&DKTBCN5
40	20810430265	HOÀNG HUY	TỐI	18/03/2002	D15TDH&DKTBCN5
41	20810410074	NGUYỄN VĂN	LỢI	03/01/2002	D15THDK&TDH
42	20810410075	NGUYỄN VĂN	VINH	22/3/2002	D15THDK&TDH
43	20810110287	ĐẶNG NGỌC	AN	09/08/2002	D15DCN&DD1
44	20810110242	HỒ SỸ	HIẾU	24/02/2002	D15DCN&DD1
45	20810110140	ĐỖ CÔNG	TÙNG	24/03/2002	D15H1
46	20810160551	VI TUẤN	DƯƠNG	06/06/2002	D15H4

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học
47	20810000435	TRẦN HUY	BÌNH	21/11/2002	D15NLTT
48	20819110109	LÊ ĐÌNH	LẬP	27/01/2002	D15DIENLANH2
49	20819110015	TRẦN XUÂN	QUANG	19/9/2002	D15NHIETCN
50	20810230018	ĐẶNG HOÀNG	AN	28/3/2002	D15LOGISTICS1
51	20810230001	CHU DANH	THÁI	28/7/2002	D15LOGISTICS1
52	20810230028	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	08/7/2002	D15LOGISTICS1
53	20810230106	TRẦN THẾ	ANH	29/06/2002	D15LOGISTICS2
54	20810230130	ĐÀM ĐỨC	HÙNG	23/08/2002	D15LOGISTICS3
55	20810230154	HOÀNG QUỐC	TUẤN	21/08/2002	D15LOGISTICS3
56	20810000378	ĐẶNG THỊ KIM	NGÂN	23/10/2001	D15QLDT&KH
57	20810000394	PHẠM QUỐC	KHÁNH	02/09/2002	D15KTNL
58	20810000441	HỒ ĐÀM	KHÁNH	27/7/2002	D15KTNL
59	19810610074	LÊ ĐỨC	MẠNH	30/07/2001	D14CKCTM
60	19810000061	ĐỖ TRUNG	ANH	09/12/2001	D14XDCTD
61	19810640092	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	17/11/2001	D14XDCTD
62	19810310059	NGUYỄN SỸ PHÚC	NAM	20/04/2001	D14CNPM1
63	19810310343	KHƯƠNG TIẾN	THẢO	19/08/2001	D14CNPM2
64	19810310217	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	07/07/2001	D14CNPM4
65	19810310230	DƯƠNG XUÂN	DUY	15/04/2001	D14CNPM4
66	19810310368	NGUYỄN MẠNH	THỜI	04/06/2001	D14CNPM4
67	19810310625	VŨ NHẬT	TRUNG	07/09/2001	D14CNPM8
68	19810340191	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	02/10/2001	D14HTTMDT1
69	19810320359	LÊ HUY	ĐỨC	03/02/2001	D14QTANM1
70	19810320159	BÙI THỊ DIỆU	LINH	09/11/2001	D14QTANM2
71	19810510157	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	19/01/2001	D14DTVT
72	19810550168	NGUYỄN VĂN	HÙNG	09/05/2001	D14DTVT
73	19810510088	BÙI THỌ	TIẾN	27/12/2001	D14DTVT
74	19810410243	TRẦN MẠNH	QUYẾT	24/05/2001	D14CNKTDK1
75	19810430288	NGUYỄN ĐĂNG	CÀN	28/10/2001	D14TDH&DKTBCN4
76	19810420245	ĐẶNG DUY	PHONG	20/08/2001	D14DCN&DD2
77	19810170149	NGUYỄN HUY	HÙNG	29/6/2001	D14TDHHTD1
78	19810170273	BÙI QUANG	ĐỨC	04/11/2001	D14TDHHTD2
79	19819120003	NGÔ MINH	ĐỨC	08/06/2001	D14DIENLANH
80	19810230049	MAI MẠNH	HÙNG	07/08/2001	D14LOGISTICS1
81	18810620112	NGUYỄN VINH	QUANG	26/05/2000	D13CODT2
82	18810310059	NGUYỄN ĐÌNH	CÔNG	26/08/2000	D13CNPM1
83	18810310035	PHẠM THÀNH	CÔNG	13/02/2000	D13CNPM1
84	18810310084	HOÀNG TRUNG	KIÊN	17/10/2000	D13CNPM1
85	18810310352	HOÀNG MẠNH	HÀ	10/05/2000	D13CNPM3
86	18810310281	CAO XUÂN	HẢI	19/01/2000	D13CNPM3
87	18810310305	TRẦN QUANG	THỌ	06/01/2000	D13CNPM4
88	18810310449	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	03/03/2000	D13CNPM5
89	18810310420	ĐẶNG ĐÌNH	THI	15/11/2000	D13CNPM5
90	18810310606	ĐẬU QUỐC	TOÀN	08/02/2000	D13CNPM7
91	18810340239	BÙI HUY	HOÀNG	30/12/2000	D13HTTMDT1
92	18810510093	CAO THẾ	ANH	27/01/2000	D13DTVT
93	18810000007	TRẦN VĂN	HIỆP	14/11/2000	D13KTDT
94	18810420069	TRẦN THANH	DUY	04/10/2000	D13DCN&DD1
95	18819120041	VŨ VĂN	DŨNG	14/09/2000	D13DIENLANH
96	18810230015	HÀ THANH	HUYỀN	24/07/2000	D13LOGISTICS

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp học
97	18810210007	ĐÀO HẢI	LONG	11/05/2000	D13QLNL
98	1781510224	NGUYỄN QUỐC	KHÁNH	02/09/1999	D12KTDT
99	1781410039	THÂN MINH	TÀI	21/1/1999	D12CNTD
100	1781410356	NGUYỄN ĐỒNG	NAM	28/10/1999	D12TDH&DK1
101	20810810068	PHẠM NGỌC	HUYỀN	11/10/2002	D15KTDN1
102	20810810102	NGUYỄN VĂN	VIỆT	01/01/2002	D15KTDN2
103	20810820109	HỒ CẢNH QUỐC	QUÂN	29/01/2002	D15TCDN2
104	20810000202	NGUYỄN THÀNH	HÙNG	26/05/2002	D15QTDVDL&LH2
105	20810720016	NGUYỄN ĐỨC	ANH	25/8/2002	D15QTDN5
106	20810710248	NGUYỄN VĂN	HUY	09/11/2002	D15QTDN5
107	20810000140	ĐẶNG VÂN	HỒNG	15/12/2002	D15KDTMTT1
108	20810000144	NGUYỄN THẢO	LY	06/10/2002	D15KDTMTT1
109	20810000096	TẠ VƯƠNG	TRIỀU	19/11/2002	D15KDTMTT1
110	19810720027	NGUYỄN THÁI	HÒA	14/10/2001	D14QTDLKS1
111	19810710184	MẠC ĐỨC	LONG	11/11/2001	D14QTDN2
112	18810850034	NGUYỄN THÚY	ĐÌNH	30/09/2000	D13KIEMTOAN
113	18810810013	BÙI PHƯƠNG	ANH	26/12/2000	D13KTDN1
114	18810810065	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	20/09/2000	D13KTDN1
115	18810810027	PHẠM MỸ	LINH	28/05/2000	D13KTDN1
116	18810810091	ĐỖ TRUNG	KIÊN	01/08/2000	D13KTDN2
117	18810840070	PHẠM TRỌNG	HOÀNG	09/08/2000	D13NGANHANG
118	18810820060	PHÙNG THỊ THU	HOÀI	12/01/2000	D13TCDN
119	18810720182	NGUYỄN THU	HÀ	06/01/2000	D13QTDLKS
120	1781810086	LÊ THỊ ÁNH	TUYẾT	4/10/1999	D12KTDN1
121	1781720006	TRẦN PHƯƠNG	ANH	26/12/1999	D12QTDLKS

